

THE RELATIONSHIP BETWEEN ACADEMIC ACHIEVEMENT IN TEACHING METHODS, PEDAGOGICAL SKILLS TRAINING COURSES AND THE MANIFESTATION OF INSTRUCTIONAL COMPETENCE DURING TEACHING PRACTICUM AMONG PRIMARY EDUCATION STUDENTS AT HANOI METROPOLITAN UNIVERSITY

Pham Viet Quynh

Email: pvquynh@daihocthudo.edu.vn

Hanoi Metropolitan University
98 Duong Quang Ham, Nghia Do ward,
Hanoi, Vietnam

Received: 28/4/2026

Revised: 20/5/2026

Accepted: 10/6/2026

Published: 20/7/2026

Abstract: In the context of competence-based general education reform, primary teacher education aims to develop instructional competence among pre-service teachers. However, the extent to which academic achievement in Teaching Methods and Pedagogical Skills Training courses can reflect and predict students' instructional competence during teaching practicum remains insufficiently explored. This study analyses the relationship between academic achievement in Teaching Methods and Pedagogical Skills Training courses and the manifestation of instructional competence during the teaching practicum among Primary Education students at Hanoi Metropolitan University. A quantitative research approach was employed, using data collected from 141 fourth-year students, with descriptive statistics, correlation analysis, and linear regression. The findings show a strong positive correlation between students' academic achievement in pedagogical courses and the manifestation of instructional competence during teaching practicum. Based on the findings, the study also proposes several recommendations for relevant stakeholders to enhance the development of instructional competence among Primary Education students at Hanoi Metropolitan University.

Keywords: *Instructional competence, teaching practicum, primary education, pedagogical methods, pedagogical skills training.*

MỐI LIÊN HỆ GIỮA KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC, RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM VÀ BIỂU HIỆN NĂNG LỰC DẠY HỌC TRONG THỰC TẬP SƯ PHẠM CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Phạm Việt Quỳnh

Email: pvquynh@daihocthudo.edu.vn

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội,
98 Dương Quang Hàm, phường Nghĩa Đô,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 28/4/2026

Chỉnh sửa xong: 20/5/2026

Chấp nhận đăng: 10/6/2026

Xuất bản: 20/7/2026

Tóm tắt: Trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực, đào tạo giáo viên tiểu học hướng đến mục tiêu hình thành và phát triển năng lực dạy học cho sinh viên. Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra là kết quả học tập các học phần Phương pháp dạy học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo có thể phản ánh và dự báo biểu hiện năng lực dạy học của sinh viên trong thực tập sư phạm vẫn chưa được làm rõ. Nghiên cứu này phân tích mối quan hệ giữa kết quả học tập học phần Phương pháp dạy học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và biểu hiện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng với dữ liệu từ 141 sinh viên năm thứ tư, thông qua các phương pháp phân tích thống kê mô tả, tương quan và hồi quy tuyến tính. Kết quả cho thấy, biểu hiện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm có mối tương quan thuận với kết quả học tập các học phần Phương pháp dạy học và Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Đồng thời, nghiên cứu cũng đưa ra các khuyến nghị với các bên liên quan trong việc phát triển năng lực dạy học cho sinh viên giáo dục tiểu học.

Từ khóa: *Năng lực dạy học, thực tập sư phạm, giáo dục tiểu học, phương pháp dạy học, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, yêu cầu nâng cao năng lực dạy học với đội ngũ giáo viên ngày càng trở nên cấp thiết nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Các nghiên cứu đều cho rằng, năng lực dạy học được hiểu là khả năng vận dụng tổng hợp kiến thức chuyên môn (Moriera và cộng sự, 2022), kĩ năng sư phạm (Fakhruddin và cộng sự, 2023) và phẩm chất cá nhân để tổ chức hiệu quả hoạt động dạy học trong bối cảnh cụ thể (Kunter và cộng sự, 2013). Theo Vũ Xuân Hùng (2011), năng lực dạy học bao gồm các thành tố cơ bản như thiết kế dạy học, tiến hành dạy học, kiểm tra, đánh giá dạy học và quản lí dạy học phản ánh đầy đủ quá trình thực hiện nghề nghiệp của giáo viên. Các nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam đều thống nhất rằng năng lực dạy học không tồn tại tách biệt mà có mối liên hệ chặt chẽ và được phát triển thông qua quá trình đào tạo cũng như trải nghiệm thực tiễn của sinh viên sư phạm (Mansfield, 2005; Dương Huy Cẩn & Lê Duy Cường, 2018).

Trong đào tạo giáo viên tiểu học, phát triển năng lực dạy học cho sinh viên không chỉ trang bị kiến thức lí thuyết mà còn thông qua các hoạt động thực hành ở các học phần phương pháp dạy học, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và thực tập sư phạm ở các nhà trường tiểu học (Stavridis & Papadopoulou, 2022; Hanisch & Eirdosh, 2023). Thông qua các học phần này, sinh viên phát triển năng lực phân tích chương trình, thiết kế bài học, lựa chọn và vận dụng phương pháp, phương tiện dạy học, tổ chức và đánh giá hoạt động học tập của học sinh (Dương Huy Cẩn & Lê Duy Cường, 2018). Bên cạnh đó, việc thiết kế kế hoạch bài dạy và xây dựng nhiệm vụ học tập phát triển năng lực là con đường hiệu quả hình thành năng lực dạy học cho sinh viên (Nguyễn Thị Tím Huế, 2017).

Thực tập sư phạm có vai trò quan trọng trong quá trình đào tạo giáo viên tiểu học, là hoạt động sinh viên trực tiếp tham gia vào môi trường dạy học ở trường tiểu học (Stavridis & Papadopoulou, 2022). Đây là cơ hội để sinh viên áp dụng các kiến thức từ học phần Phương pháp dạy học và Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm vào việc thiết kế kế hoạch bài dạy, tổ chức các nhiệm vụ học tập và quản lí lớp học. Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra là liệu kết quả học tập các học phần nghiệp vụ tại trường đại học có thực sự phản ánh và dự báo chính xác mức độ biểu hiện năng lực dạy học của sinh viên khi bước vào môi trường thực tế hay không?

Một số nghiên cứu tập trung xác định cấu trúc khung năng lực chuyên môn cho giáo viên tiểu học (Phan Thái Hiệp, 2023), đề xuất biện pháp phát triển năng lực dạy học qua các bài tập giáo dục học (Nguyễn Thị Tím Huế, 2017), đưa ra những biểu hiện và các năng lực thành phần của năng lực dạy học của sinh viên giáo dục tiểu học (Vũ Xuân Hùng, 2011), xác định các yêu cầu về năng lực nghề nghiệp của giáo viên tiểu học (Nông Thị Trang, 2024). Các nghiên cứu này tiếp cận theo hướng xây dựng khung lí thuyết hoặc đề xuất giải pháp phát triển năng lực, làm rõ bản chất và con đường hình thành năng lực dạy học. Mặc dù vai trò học phần nghiệp vụ sư phạm, phương pháp dạy học đã được khẳng định, các nghiên cứu vẫn chưa làm rõ mối quan hệ giữa kết quả học tập các học phần này đối với năng lực dạy học trong thực tập sư phạm. Đặc biệt, việc sử dụng kết quả học tập như một biến dự báo thống kê đối với biểu hiện năng lực dạy học của sinh viên vẫn còn là khoảng trống, nhất là trong bối cảnh đào tạo giáo viên tiểu học tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Từ lí do trên, nghiên cứu trả lời câu hỏi: Kết quả học tập các học phần phương pháp dạy học và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm có mối liên hệ như thế nào với biểu hiện năng lực dạy học của sinh viên giáo dục tiểu học trong thực tập sư phạm? Ý nghĩa của nghiên cứu không chỉ kiểm chứng lí thuyết bằng dữ liệu mà còn cung cấp cơ sở khoa học để điều chỉnh chương trình đào tạo, chú trọng hơn các yếu tố có mối liên hệ đến năng lực dạy học.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng và mẫu nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là mối liên hệ giữa kết quả học tập các học phần Phương pháp dạy học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và biểu hiện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học.

Mẫu nghiên cứu gồm 141 sinh viên năm thứ 4 khóa D2022 ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội. Đây là những sinh viên đã hoàn thành các học phần Phương pháp dạy học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và thực tập sư phạm tại các trường tiểu học theo chương trình đào tạo. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ hệ thống quản lí đào tạo của nhà trường đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy.

2.2. Công cụ và thu thập dữ liệu

Phương pháp nghiên cứu định lượng để phân tích kết quả học tập của các học phần Phương pháp

dạy học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và biểu hiện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm của sinh viên. Dữ liệu được thu thập từ điểm học tập của tất cả sinh viên năm tư khóa D2022 ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội. Các biến nghiên cứu được xác định như sau:

Năng lực dạy học là một cấu trúc đa thành tố, bao gồm kiến thức chuyên môn, kỹ năng sư phạm, năng lực tổ chức hoạt động học tập, kiểm tra đánh giá, quản lý lớp học và năng lực thích ứng nghề nghiệp. Trong phạm vi nghiên cứu này, không tiếp cận năng lực dạy học như một cấu trúc đo lường toàn diện, mà sử dụng kết quả thực tập sư phạm như một chỉ báo phản ánh mức độ biểu hiện năng lực dạy học của sinh viên trong bối cảnh thực tiễn nghề nghiệp. Kết quả thực tập sư phạm đo lường bằng điểm trung bình của các lần thực tập sư phạm 1, thực tập sư phạm 2, thực tập sư phạm 3 và thực tập tốt nghiệp.

Kết quả học tập các học phần *Phương pháp dạy học* được tính bằng điểm trung bình của các học phần phương pháp dạy học trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội gồm: Phương pháp dạy học Toán 1, Phương pháp dạy học Toán 2, Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1, Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2, Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội, Dạy học phát triển năng lực các môn Tự nhiên xã hội, Khoa học, Lịch sử, Địa lý ở tiểu học, Giáo dục đạo đức, Phương tiện dạy học.

Kết quả học tập *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm* được tính bằng điểm trung bình của các học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2, Rèn luyện nghiệp vụ giáo dục tiểu học.

2.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

Sử dụng phần mềm SPSS 16 để xử lý số liệu bằng phân tích thống kê mô tả, phân tích tương quan, phân tích hồi quy tuyến tính nhằm phân tích mối liên hệ giữa các biến độc lập (Phương pháp dạy học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm) đối với biến phụ thuộc (biểu hiện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm). Mô hình hồi quy có dạng: Biểu hiện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm $= \beta_0 + \beta_1(\text{Phương pháp dạy học}) + \beta_2(\text{Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm}) + e$

Công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) được sử dụng ở mức độ hỗ trợ cho việc dịch tóm tắt sang tiếng Anh và hiệu chỉnh văn phong; không tham gia vào quá trình phân tích dữ liệu hay xây dựng lập luận khoa học. Tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung bài báo.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Năng lực dạy học trong thực tập sư phạm của sinh viên sư phạm viểu học

Năng lực dạy học là một trong các thành tố cấu thành năng lực nghề nghiệp của giáo viên. Shulman (1987) cho rằng, Kiến thức nội dung sư phạm (Pedagogical Content Knowledge - PCK) PCK là sự giao thoa giữa kiến thức nội dung (Content Knowledge - CK) và kiến thức sư phạm (Pedagogical Knowledge - PK). Theo Shulman (1987) dạy học không chỉ có kiến thức về nội dung hay kiến thức về phương pháp mà là tổng hòa và biến đổi cả hai để phù hợp với dạy nội dung cụ thể cho đối tượng học sinh nhất định. Linda Darling - Hammond và Bransford (2007) cho rằng, năng lực dạy học bao gồm năng lực phân tích học sinh, năng lực thiết kế bài giảng, năng lực đánh giá và cải tiến.

Phạm Thị Kim Anh (2020) cho rằng, năng lực dạy học gồm năng lực thiết kế kế hoạch dạy học; năng lực tổ chức các hoạt động dạy học; năng lực vận dụng các phương pháp, phương tiện dạy học; năng lực tổ chức và quản lý lớp học; năng lực kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh; năng lực xây dựng, quản lý hồ sơ dạy học. Các thành phần này có mối quan hệ chặt chẽ, cùng phản ánh khả năng thực hiện nhiệm vụ nghề nghiệp của giáo viên. Đối với sinh viên giáo dục tiểu học, những năng lực này được hình thành thông qua quá trình đào tạo, đặc biệt là các học phần phương pháp dạy học và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (Dương Huy Cận & Lê Duy Cường, 2018).

Năng lực dạy học được phát triển khi có gắn kết giữa lý thuyết và thực hành (Phan Thái Hiệp, 2023; Huỳnh Thái Lộc, 2016). Các chương trình đào tạo chú trọng trải nghiệm thực tế tạo điều kiện để sinh viên vận dụng kiến thức vào bối cảnh dạy học cụ thể, từ đó nâng cao năng lực nghề nghiệp (Darling-Hammond, 2006; OECD, 2019).

Thực tập sư phạm giữ vai trò quan trọng là giai đoạn sinh viên trực tiếp tham gia vào hoạt động dạy học tại trường phổ thông, qua đó vận dụng kiến thức chuyên môn, kỹ năng sư phạm vào thực tiễn và thể hiện năng lực dạy học của mình. Hán Thu Trang cho rằng: “Thực tập sư phạm là hoạt động vận dụng những tri thức khoa học về chuyên môn, nghiệp vụ của sinh viên vào việc luyện tập dạy học, giáo dục học sinh, nhằm hình thành phẩm chất, năng lực sư phạm của một giáo viên tương lai”. Nguyễn Thị Kim Dung (2013) cho rằng, thực tập sư phạm giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề và tạo cơ hội học hỏi từ

môi trường thực tế, góp phần hình thành bản lĩnh nghề nghiệp và khả năng thích ứng với yêu cầu nghề dạy học. Như vậy, năng lực dạy học của sinh viên sư phạm tiểu học được hình thành qua quá trình đào tạo tri thức lí luận và trải nghiệm thực hành, trong đó thực tập sư phạm là môi trường phát triển, hoàn thiện năng lực dạy học trực tiếp. Kết quả thực tập sư phạm phần nào phản ánh mức độ vận dụng tổng hợp kiến thức và kĩ năng dạy học của sinh viên trong bối cảnh thực tiễn. Do đó, có thể sử dụng kết quả thực tập như một chỉ báo thực nghiệm để đánh giá năng lực dạy học (Darling-Hammond, 2006; OECD, 2019). Nghiên cứu lựa chọn tiếp cận PCK của Shulman (1987) làm nền tảng lí luận, năng lực dạy học được hình thành từ sự tích hợp giữa kiến thức nội dung và kiến thức sư phạm, đồng thời được biểu hiện thông qua khả năng tổ chức hoạt động dạy học trong bối cảnh thực tiễn. Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, mô hình PCK tiếp tục phát triển thành TPACK và nhấn mạnh vai trò của tri thức công nghệ trong năng lực dạy học (Mishra & Koehler, 2006). Đồng thời, năng lực dạy học hiện nay còn gắn với năng lực số, năng lực phản tư nghề nghiệp và khả năng thích ứng với môi trường giáo dục hiện đại (UNESCO, 2018). Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu này, tác giả tập trung vào các biểu hiện năng lực dạy thông qua hoạt động thực tập sư phạm.

3.2. Vai trò của học phần Phương pháp dạy học và Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm với năng lực dạy học trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học

Trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học, các học phần phương pháp dạy học, nghiệp vụ sư phạm có vai trò quan trọng trong hình thành và phát triển năng lực dạy học cho sinh viên (Dương Huy Cẩn, Lê Duy Cường, 2018). Đây là các học phần giúp sinh viên nắm vững cơ sở lí luận về phương pháp dạy học và từng bước phát triển năng lực dạy học. Cụ thể, các học phần Phương pháp dạy học trang bị kiến thức về lí luận phương pháp dạy học bộ môn, đồng thời phát triển các kĩ năng như thiết kế kế hoạch dạy học, sử dụng các phương pháp và phương tiện dạy học phù hợp với mục tiêu phát triển năng lực học sinh. Qua đó, sinh viên từng bước hình thành và làm chủ kiến thức nội dung sư phạm (PCK), yếu tố quyết định chất lượng dạy học (Shulman, 1987). Đồng thời, các học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tạo môi trường cho sinh viên thực hành kĩ năng nghề như lập kế hoạch dạy học, tổ chức dạy học, thiết kế và sử dụng phương tiện dạy học, kiểm tra đánh giá học sinh và xử lí tình huống sư phạm. Việc thực hành và

rèn luyện thường xuyên giúp sinh viên củng cố kiến thức đã học và phát triển năng lực dạy học trong thực tiễn.

Trong đào tạo giáo viên tiểu học, phát triển năng lực dạy học phụ thuộc lớn vào mức độ gắn kết giữa lí thuyết và thực hành. Chương trình đào tạo có sự tích hợp chặt chẽ giữa học phần phương pháp và hoạt động thực tập sư phạm giúp sinh viên phát triển năng lực dạy học bền vững và thích ứng với môi trường giáo dục thực tế (Darling-Hammond, 2006; OECD, 2019). Vì vậy, các học phần này là cầu nối quan trọng giữa đào tạo học thuật và thực hành nghề nghiệp, có mối liên hệ với quá trình hình thành năng lực dạy học của sinh viên sư phạm tiểu học.

Chương trình đào tạo giáo viên tiểu học tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội thiết kế gắn kết giữa lí thuyết và thực hành. Nhóm các học phần phương pháp dạy học bộ môn (như: Phương pháp dạy học Toán 1, Phương pháp dạy học Toán 2, Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1, Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2, Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội, Dạy học phát triển năng lực các môn Tự nhiên xã hội, Khoa học, Lịch sử, Địa lí ở tiểu học, Giáo dục đạo đức, Phương tiện dạy học...) giúp sinh viên biết cách tổ chức nội dung dạy học và từng bước hình thành năng lực dạy học các môn học. Các học phần Phương pháp dạy học bộ môn hỗ trợ sinh viên phát triển năng lực thiết kế kế hoạch bài dạy, lựa chọn phương pháp và tổ chức hoạt động học tập, kiểm tra đánh giá học sinh tiểu học.

Bên cạnh đó, nhóm học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1, 2 và Rèn luyện nghiệp vụ giáo dục tiểu học) tạo cơ hội cho sinh viên thực hành các kĩ năng nghề trong tình huống thực tế. Đồng thời, học phần góp phần hỗ trợ sinh viên phát triển năng lực giao tiếp sư phạm, xử lí tình huống, quản lí lớp học và vận dụng kiến thức vào thực tiễn nghề nghiệp.

Chương trình đào tạo chú trọng tổ chức các hoạt động mô phỏng thực tế và tăng cường liên kết với các trường tiểu học thực hành đã giúp sinh viên sớm tiếp cận môi trường nghề nghiệp. Cách tiếp cận này góp phần giảm bớt rào cản tâm lí, giúp sinh viên tự tin hơn, không bị ngợp khi bước vào thực tiễn dạy học và nhanh chóng thích nghi trong thực tập sư phạm. Điều này phù hợp với quan điểm cho rằng, năng lực dạy học được phát triển thông qua sự kết hợp giữa đào tạo học thuật và trải nghiệm thực hành trong môi trường giáo dục thực tế (Darling-Hammond, 2006; Stavridis & Papadopoulou, 2022). Như vậy,

sự kết hợp giữa học phần phương pháp dạy học và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tạo nên một quá trình phát triển năng lực dạy học có tính hệ thống, góp phần chuẩn bị cho sinh viên khả năng thực hiện tốt các nhiệm vụ nghề nghiệp trong thực tiễn giáo dục tiểu học.

3.3. Kết quả phân tích mối tương quan giữa các học phần Phương pháp dạy học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và biểu hiện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học

3.3.1. Thống kê mô tả

Kết quả thống kê mô tả ở Bảng 1 cho thấy các biến

số nghiên cứu đều cho giá trị kì vọng ở mức cao. Cụ thể, biểu hiện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm đạt giá trị trung bình cao nhất (9.291), phản ánh năng lực dạy học trong thực hành sư phạm của sinh viên ngành giáo dục tiểu học năm cuối ở mức cao. Tiếp theo là điểm điểm Phương pháp dạy học và Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm lần lượt đạt 8.350 và 8.304. Giá trị trung vị của các biến đều cao hơn hoặc xấp xỉ giá trị trung bình, đặc biệt ở biến biểu hiện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm (9.73), cho thấy phân phối điểm có xu hướng lệch nhẹ về phía các giá trị cao. Độ lệch chuẩn từ 0.730 đến 0.799 cho thấy mức độ phân tán không lớn. Như vậy, dữ liệu

Bảng 1: Thống kê mô tả về điểm trung bình các học phần Phương pháp dạy học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và biểu hiện năng lực dạy học trong Thực tập sư phạm của sinh viên Giáo dục tiểu học

Tham số	Phương pháp dạy học	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	Biểu hiện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm
Số lượng	141	141	141
Giá trị trung bình	8.350	8.304	9.291
Sai số chuẩn của giá trị trung bình	0.067	0.061	0.067
Trung vị	8.612	8.600	9.730
Yếu vị (Mode)	6.90a	8.70	8.00
Độ lệch chuẩn	0.799	0.730	0.798

Bảng 2: Kết quả phân tích tương quan giữa các biến Phương pháp dạy học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và biểu hiện năng lực dạy học trong Thực tập sư phạm của sinh viên ngành Giáo dục tiểu học

		Phương pháp dạy học	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	Biểu hiện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm
Phương pháp dạy học	Hệ số tương quan	1	0.922**	0.900**
	Sig		0.000	0.000
	Số lượng	141	141	141
Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	Hệ số tương quan	0.922**	1	0.924**
	Sig	0.000		0.000
	Số lượng	141	141	141
Biểu hiện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm	Hệ số tương quan	0.900**	0.924**	1
	Sig	0.000	0.000	
	Số lượng	141	141	141

(**"Mối tương quan có ý nghĩa thống kê ở mức 0,01 (kiểm định hai phía)")

có độ phù hợp để thực hiện các phân tích tương quan và hồi quy tiếp theo.

3.3.2. Phân tích mối tương quan

Kết quả phân tích tương quan cho thấy, biến Phương pháp dạy học và Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm có mối tương quan thuận và có ý nghĩa thống kê với biểu hiện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm với $\text{sig} = 0,00$ ($p < 0,01$). Cụ thể, các hệ số tương quan giữa Phương pháp dạy học và biểu hiện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm là 0.900; giữa Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và biểu hiện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm là 0.924. Điều này phản ánh kết quả học tập các học phần này tăng thì biểu hiện năng lực dạy học của sinh viên trong thực tập sư phạm cũng có xu hướng tăng. Đồng thời, giữa biến Phương pháp dạy học và Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm có hệ số tương quan là 0,922, phản ánh sự gắn kết chặt chẽ giữa hai nhóm học phần này trong cấu trúc chương trình đào tạo giáo viên tiểu học. Kết quả này phù hợp với đặc điểm cấu trúc chương trình cử nhân giáo dục tiểu học Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, trong đó các học phần phương pháp dạy học cung cấp nền tảng lý luận, còn các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giúp sinh viên vận dụng

và củng cố các kiến thức đó trong thực hành. Kết quả này gợi ý rằng, các học phần Phương pháp dạy học và Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm có xu hướng hội tụ, cùng phản ánh một cấu trúc năng lực dạy học. Tuy nhiên, việc các hệ số tương quan đều ở mức rất cao lớn hơn 0,9 đặt ra khả năng tồn tại sự chồng lấn về nội dung đo lường giữa các biến hoặc hiện tượng đa cộng tuyến, cần được kiểm định trong các phân tích hồi quy.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm về mối liên hệ chặt chẽ giữa các học phần nghiệp vụ và biểu hiện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm, đồng thời gợi mở khả năng sử dụng kết quả học tập như một biến dự báo trong các mô hình phân tích tiếp theo.

3.3.3. Phân tích hồi quy tuyến tính

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính ở các Bảng 3, 4, 5 cho thấy, mô hình có ý nghĩa thống kê ($F = 459,791$; $p=0,00$), chứng tỏ các biến độc lập (Phương pháp dạy học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm) có mối liên hệ đến biến phụ thuộc trong mô hình là biểu hiện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm. Hệ số $R = 0,932$ và $R^2 = 0,870$, cho thấy các biến trong mô hình có khả năng dự báo thông kê đánh kể biểu hiện

Bảng 3: Kết quả tóm tắt mô hình hồi quy tuyến tính

R	R2	R2 hiệu chỉnh	Sai số chuẩn ước lượng	Durbin-Watson
0.932a	0.870	0.868	0.29050	1.252

Bảng 4: Kết quả phân tích phương sai (ANOVA) của mô hình hồi quy

Mô hình		Tổng bình phương	Df	Trung bình bình phương	F	Sig.
1	Hồi quy	77.606	2	38.803	459.791	0.000b
	Sai số	11.646	138	0.084		
	Tổng	89.253	140			

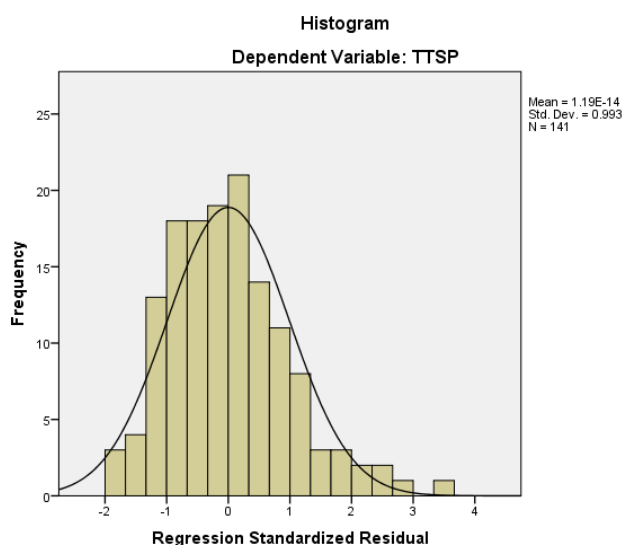
Bảng 5: Hệ số hồi quy của các biến trong mô hình

Mô hình		Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
		B	Sai số chuẩn	Beta			Tolerance	VIF
1	Hằng số	0.911	0.280		3.249	0.001		
	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	0.685	0.087	0.626	7.879	0.000	0.150	6.679
	Phương pháp dạy học	0.323	0.079	0.323	4.066	0.000	0.150	6.679

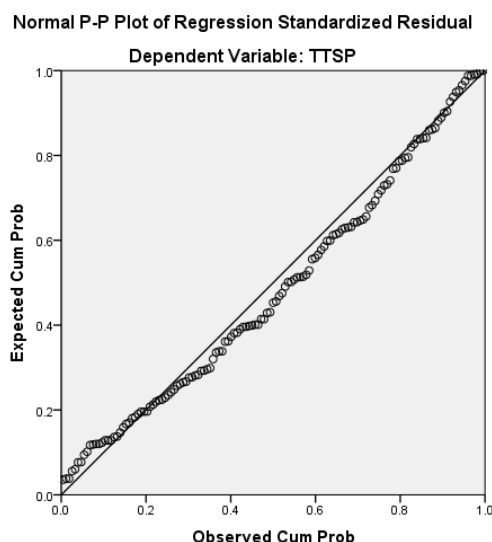
năng lực dạy học trong thực tập sư phạm. Điều này cho thấy mức độ phù hợp tương đối của mô hình với dữ liệu nghiên cứu.

Cả hai biến độc lập gồm Phương pháp dạy học và Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm đều có ý nghĩa thống kê ($p = 0,000$) và có hệ số hồi quy dương, cho thấy mối liên hệ cùng chiều với biểu hiện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm. Trong đó, biến Rèn luyện nghiệp vụ có hệ số chuẩn hóa lớn hơn ($Beta = 0,626$) so với Phương pháp dạy học ($Beta = 0,323$) cho thấy mức độ liên hệ thống kê nổi bật hơn trong mô hình nghiên cứu. Kết quả này phù hợp với đặc điểm của các học phần rèn luyện nghiệp vụ, vốn gắn trực tiếp với hoạt động thực hành và vận dụng trong bối cảnh dạy học thực tế.

Giá trị Durbin - Watson đạt 1,252 cho thấy chưa



Hình 1: Biểu đồ tần số phần dư chuẩn hóa Histogram



Hình 2: Biểu đồ phần dư chuẩn hóa Normal P-Plot

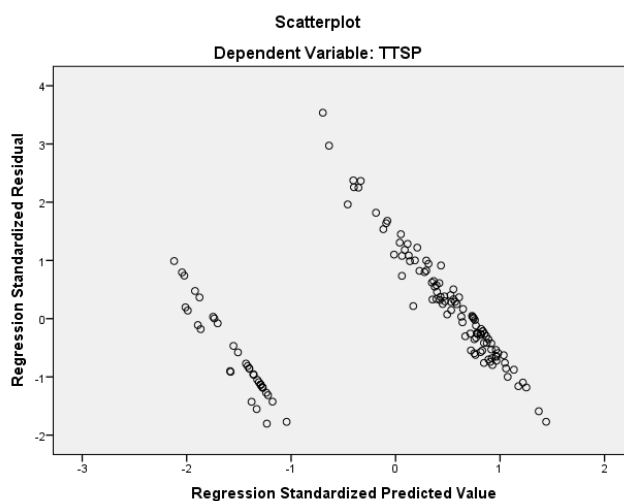
có dấu hiệu tự tương quan phần dư. Kết quả kiểm định đa cộng tuyến cho thấy hệ số VIF của các biến độc lập đều bằng 6,679 và hệ số Tolerance đạt 0,150, phản ánh mức độ đa cộng tuyến giữa các biến. Tuy nhiên, do các biến nghiên cứu đều thuộc nhóm học phần nghiệp vụ sư phạm và cùng phản ánh quá trình hình thành năng lực nghề nghiệp trong đó có năng lực dạy học, mức độ liên hệ này có thể được lý giải về mặt lý luận. Đồng thời, các giá trị VIF = 6.679 chưa vượt ngưỡng 10 nên mô hình vẫn được xem là chấp nhận được trong nghiên cứu này.

Hình 1, 2 và 3 biểu đạt kết quả kiểm định phần dư qua biểu đồ Histogram và Normal P-P Plot cho thấy phần dư có phân phối xấp xỉ chuẩn, các điểm quan sát phân bố tương đối sát đường kì vọng. Điều này cho thấy các giả định của mô hình hồi quy được đảm bảo. Qua đó, cho phép sử dụng mô hình để phân tích mối liên hệ thống kê giữa các biến nghiên cứu với biểu hiện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm ($R^2 = 0,870$; $p < 0,001$). Có thể hiểu rằng, sự thay đổi kết quả học tập ở các học phần Phương pháp dạy học và Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm liên quan đến biểu hiện năng lực dạy học của sinh viên và mối quan hệ này có tính ổn định, không phải do sai lệch ngẫu nhiên của dữ liệu.

3.4. Khuyến nghị đối với đối với các bên liên quan trong việc phát triển năng lực dạy học cho sinh viên giáo dục tiểu học Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Từ kết quả nghiên cứu, một số khuyến nghị được đề xuất nhằm cải tiến chương trình đào tạo giáo viên tiểu học theo tiếp cận phát triển năng lực như sau:

Đối với nhà trường và Phòng Đào tạo: Nhà trường cần định hướng phát triển chương trình đào tạo gắn



Hình 3: Biểu đồ Scatter Plot kiểm tra giả định liên hệ tuyến tính

kết chặt chẽ lý thuyết và thực hành. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các học phần Phương pháp dạy học và Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm có mối liên hệ chặt chẽ với biểu hiện năng lực dạy học. Do đó, chương trình đào tạo cần được thiết kế theo hướng liên thông, tránh trùng lặp nội dung và tăng cường học phần thực hành. Phát triển chương trình bám sát Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể, phát triển phẩm chất và năng lực người học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017). Đồng thời, hợp tác với các trường tiểu học để nâng cao chất lượng thực hành nghề nghiệp cho sinh viên, phù hợp với xu hướng đào tạo giáo viên gắn với thực tiễn (OECD, 2019).

Đối với khoa đào tạo và ngành/bộ môn phụ trách chuyên môn: Khoa và ngành cần rà soát, điều chỉnh nội dung chương trình theo hướng tiếp cận năng lực, đảm bảo sự liên kết chặt chẽ giữa học phần Phương pháp dạy học và Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Xây dựng học phần có sự kế thừa và phát triển giúp sinh viên chuyển dần từ tiếp nhận kiến thức sang vận dụng trong tình huống dạy học cụ thể. Đồng thời, tăng cường nội dung gắn với thực tiễn như bài tập tình huống, thiết kế bài học phát triển năng lực, mô phỏng hoạt động dạy học. Điều này phù hợp với quan điểm cho rằng, năng lực dạy học được hình thành thông qua quá trình vận dụng kiến thức vào thực tiễn (Dương Đức Giáp & Nguyễn Văn Nghĩa, 2019), đồng thời phản ánh yêu cầu phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên (Phan Thái Hiệp, 2023).

Đối với phòng khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống đánh giá năng lực dạy học, đa dạng các hình thức như đánh giá quá trình, đánh giá thực hành và đánh giá trong bối cảnh thực tập sư phạm. Đánh giá được khả năng vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của sinh viên trong các tình huống cụ thể (Kunter và cộng sự, 2013). Đồng thời, tăng cường thu thập phản hồi từ các bên liên quan để cải tiến chương trình đào tạo. Kết quả nghiên cứu cho thấy các học phần Phương pháp dạy học và Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm có mối liên hệ chặt chẽ với biểu hiện năng lực dạy học của sinh viên trong thực tập sư phạm. Do đó, cần xây dựng rubric đánh giá thực tập sư phạm theo hướng tiếp cận năng lực, với các tiêu chí cụ thể như thiết kế bài dạy, tổ chức hoạt động học tập, sử dụng phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và quản lý lớp học. Việc chuẩn hóa rubric sẽ góp phần nâng cao tính khách quan, giảm sự khác biệt trong đánh giá giữa các cơ sở thực tập và phản ánh sát hơn mức độ vận dụng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên trong bối cảnh thực tiễn. Đồng thời, đây cũng là cơ

sở để nhà trường điều chỉnh nội dung các học phần nghiệp vụ sư phạm theo hướng gắn kết chặt chẽ hơn giữa đào tạo lý thuyết và thực hành nghề nghiệp.

Đối với các trường tiểu học thực hành và giáo viên hướng dẫn: Trường tiểu học tăng cường phối hợp với nhà trường sư phạm trong tổ chức và đánh giá hoạt động thực tập sư phạm. Giáo viên hướng dẫn đóng vai trò quan trọng, hỗ trợ sinh viên tiếp cận thực tiễn, vì vậy cần có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên sư phạm và giáo viên tiểu học. Thực tập sư phạm tổ chức theo hướng tăng cường trải nghiệm nghề nghiệp, giúp sinh viên vận dụng kiến thức và học hỏi từ thực tiễn, phù hợp với quan điểm đào tạo giáo viên tại thực địa (Nguyễn Thị Kim Dung, 2013; Hán Thu Trang, 2020).

Đối với giảng viên: Giảng viên đổi mới phương pháp dạy học để tăng cường hoạt động trải nghiệm và thực hành cho sinh viên. Tổ chức các hoạt động dạy học vi mô, phân tích tình huống sư phạm, dự giờ giúp sinh viên phát triển năng lực dạy học. Bên cạnh đó, giảng viên kết nối nội dung với thực tiễn giáo dục tiểu học, để sinh viên hiểu rõ cách triển khai nội dung đã học trong môi trường thực tế. Cách tiếp cận này phù hợp với quan điểm đào tạo giáo viên gắn với thực hành và trải nghiệm nghề nghiệp (Darling-Hammond, 2006; Darling-Hammond & Bransford, 2007).

Đối với sinh viên: Sinh viên chủ động trong quá trình học tập, tích cực tham gia các hoạt động thực hành, thực tập sư phạm và tự đánh giá năng lực giúp nâng cao khả năng thích ứng trong thực tế. Đồng thời, sinh viên cần phát triển năng lực tự học, qua đó nhận diện hạn chế của bản thân trong quá trình thực hành và từng bước hoàn thiện năng lực dạy học (Nguyễn Thị Tím Huế, 2017).

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy kết quả học tập các học phần Phương pháp dạy học và Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm có mối liên hệ chặt chẽ với biểu hiện năng lực dạy học của sinh viên trong thực tập sư phạm. Kết quả hồi quy cho thấy hai nhóm học phần này có mức độ liên hệ thống kê cao với biểu hiện năng lực dạy học trong thực tập sư phạm, trong đó Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm có mức độ liên quan hơn. Phát hiện này không chỉ cung cấp bằng chứng thực nghiệm về mối liên hệ của các học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên tiểu học mà còn góp phần làm rõ mối quan hệ giữa kết quả học tập trong nhà trường và biểu hiện năng lực dạy học của sinh viên. Điều này cho thấy tầm quan trọng của

việc thiết kế chương trình đào tạo giáo viên tiểu học gắn kết giữa lý thuyết và thực hành nhằm phát triển năng lực dạy học. Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn hạn chế như phạm vi mẫu nghiên cứu chỉ tập trung vào một khóa sinh viên tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội và chưa xem xét các yếu tố ảnh hưởng khác

như môi trường thực tập, đặc điểm cá nhân hay chất lượng hướng dẫn. Đây là những hướng cần tiếp tục được nghiên cứu trong tương lai nhằm làm rõ hơn cơ chế hình thành và phát triển năng lực dạy học của sinh viên.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể*, Ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-BGDĐT ngày 27 tháng 01 năm 2017.
- UNESCO. (2018). ICT Competency Framework for Teachers. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000265721>
- Darling-Hammond, L. (2012). *Powerful teacher education: Lessons from exemplary programs*. Jossey-Bass.
- Darling-Hammond, L & Bransford, J. (Eds.). (2007). *Preparing teachers for a changing world: What teachers should learn and be able to do*. John Wiley & Sons.
- Dương Huy Cẩn, Lê Duy Cường. (2018). Phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Đồng Tháp*, 30, tr.13-18.
- Hanisch, S & Eirdosh, D. (2023). Developing teacher competencies for teaching evolution across the primary school curriculum: A design study of a pre-service teacher education module. *Education Sciences*, 13(8), p.797. <https://doi.org/10.3390/educs13080797>
- Hán Thu Trang. (2020). Đổi mới mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung thực tập sư phạm trong đào tạo giáo viên tiểu học, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 31, tr.36-40.
- Huỳnh Thái Lộc. (2016). Một số biện pháp phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên tiểu học vùng Đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. *Tạp chí Giáo dục*, kì 1, tr.37-39.
- Fakhrudin, A., Annisa, A., Putri, L & Sudirman, P. (2023). Kompetensi Seorang Guru dalam Mengajar. *Journal on Education*. 5(2), pp.3418-3425.
- Kunter, M., Klusmann, U., Baumert, J., Richter, D., Voss, T & Hachfeld, A. (2013). Professional Competence of Teachers: Effects on Instructional Quality and Student Development. *Journal of Educational Psychology*, 105, pp.805-820. <https://doi.org/10.1037/a0032583>
- Mansfield, R. S. (2005). Practical questions for competency modeling. *Performance Improvement*, 44(1), pp.36-41. <https://doi.org/10.1002/pfi.4140440109>
- Mishra, P & Koehler, M. J. (2006). Technological pedagogical content knowledge: A framework for teacher knowledge. *Teachers college record*, 108(6), pp.1017-1054.
- Moreira, M. A., Arcas, B. R., Sánchez, T. G., García, R. B & Melero, M. J. R. (2023). Teachers' pedagogical competences in higher education: A systematic literature review. *Journal of University Teaching and Learning Practice*, 20(1), pp.90-123. <https://doi.org/10.53761/1.20.01.07>
- Nông Thị Trang. (2024). Một số yêu cầu về năng lực nghề nghiệp của giáo viên tiểu học đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, 2(311), tr.265-267.
- Nguyễn Thị Tím Huế. (2017). Xây dựng bài tập giáo dục học theo hướng phát triển năng lực dạy học cho sinh viên sư phạm, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 145, tr.82-84.
- Nguyễn Thị Kim Dung. (2013). Một số định hướng đổi mới thực tập sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông ở nước ta hiện nay, *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 4(58), tr.148-154.
- OECD. (2019). *A flying start: Improving initial teacher preparation systems*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/cf74e549-en>
- Phan Thái Hiệp. (2023). Xây dựng khung năng lực chuyên môn cho giáo viên tiểu học giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(3), tr.79-84.
- Phạm Thị Kim Anh. (2020). Khung năng lực dạy học của giáo viên trẻ ở trung học phổ thông theo yêu cầu đổi mới giáo dục. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 65(1), tr.64-73.
- Shulman, L. S. (1987). Knowledge and teaching: Foundations of the new reform. *Harvard Educational Review*, 57(1), pp.1-22. <https://doi.org/10.17763/haer.57.1.j463w79r56455411>
- Stavridis, P & Papadopoulou, V. (2022). The Contribution of Teaching Practice to Preservice Teachers' Training--Empirical Research of the Department of Primary Education of Western Macedonia University Students' Evaluation. *Educational process: International journal*, 11(4), pp.92-111. <https://dx.doi.org/10.22521/edupij.2022.114.5>
- Vũ Xuân Hùng. (2011). Năng lực dạy học của giáo viên dạy nghề theo tiếp cận năng lực thực hiện. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 72, tr.41-44.